TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260879.001/2026/PKQ (NS.260929.008)

Tên khách hàng *Customer name*	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH
Địa chỉ *Customer address*	Số 136 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu *Sample type*	Nước sạch
Tên vị trí *Sampling location*	Mẫu nước sạch trực tiếp tại bể
Mô tả mẫu *Sample description*	Bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu *Date of sampling*	29/09/2026
Thời gian thử nghiệm *Testing Period*	29/09/2026 - 26/10/2026

VILAS 1618

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,09	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,20	2
7	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0015	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8021:2022	mg/L	0,24	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,80	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
11	Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
12	Tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

HỒNG QUANG THỐNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260879.002/2026/PKQ (NS.260929.009)

Tên khách hàng
Customer name: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH

Địa chỉ
Customer address: Số 136 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type: Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location: Mẫu vòi nước sinh hoạt tại vòi gần cầu thang số 2

Mô tả mẫu
Sample description: Bảo quản lạnh

Ngày lấy mẫu
Date of sampling: 29/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period: 29/09/2026 - 26/10/2026

VILAS 1618

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Giới hạn tham khảo[a] *Reference limit*
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,11	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	0,20	2
7	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0012	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8021:2022	mg/L	**<0,10**	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,80	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
11	Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1
12	Tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

HỒNG QUANG THỐNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260879.003/2026/PKQ (NU.260929.001)

Tên khách hàng *Customer name*	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH
Địa chỉ *Customer address*	Số 136 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu *Sample type*	Nước uống
Tên vị trí *Sampling location*	Mẫu nước uống đóng bình nhãn hiệu CLARA của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Clara
Mô tả mẫu *Sample description*	Bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu *Date of sampling*	29/09/2026
Thời gian thử nghiệm *Testing Period*	29/09/2026 - 26/10/2026

VILAS 1618

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
1	Stibi (Sb)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,02
2	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0001	0,01
3	Bari (Ba)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0195	0,7
4	Bor (B)	CBEST.01-G01.054:2025	mg/L	<0,0200	0,5
5	Bromat (BrO_3^-)	EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997	mg/L	<0,007	0,01
6	Cadmi (Cd)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0001	0,003
7	Clor	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	<0,20	5
8	Clorat (ClO_3^-)	EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997	mg/L	<0,06	0,7
9	Clorit (ClO_2^-)	EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997	mg/L	<0,06	0,7
10	Crom tổng số (Cr)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,05
11	Đồng (Cu)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	2
12	Cyanid (CN^-)	SMEWW 4500-CN- A, B, C, E:2023	mg/L	<0,01	0,07
13	Fluorid (F^-)	SMEWW 4500 F:2023	mg/L	0,16	1,5
14	Chì (Pb)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0001	0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
15	Mangan (Mn)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,4
16	Thủy ngân (Hg)	EPA Method 6020B, Revision 2, 2014	mg/L	<0,0005	0,006
17	Molybden (Mo)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,07
18	Nickel (Ni)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,07
19	Nitrat (NO_3^-)	SMEWW 4500 NO3-.B.:2023	mg/L	<0,05	50
20	Nitrit (NO_2^-)	TCVN 6178:1996	mg/L	<0,01	3
21	Selen (Se)	TCVN 13092:2020	mg/L	<0,0010	0,01
22	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH (LOD=1)	< 1
23	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH (LOD=1)	< 1
24	*Streptococci feacal*	TCVN 6189-2:2009	CFU/250mL	KPH (LOD=1)	< 1
25	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011	CFU/250mL	**$8,6x10^2$**	< 1
26	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	CFU/50mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 6-1:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.*

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

HỒNG QUANG THỐNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.